

Số: 6661 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động**  
**của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 2 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 9 tháng 10 năm 2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của: Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố tại Công văn số 447/CV-QĐTPT ngày 13 tháng 11 năm 2015; Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2979/TTr-SNV ngày 27 tháng 11 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội gồm 8 chương, 38 Điều.


**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các PCVP, các phòng CV, TTTHCB;
- Lưu: VT, KT<sub>L, M</sub>.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



\*Nguyễn Thế Thảo

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA**  
**QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6661 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của UBND thành phố Hà Nội)*

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

Trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sau đây gọi tắt là Điều lệ) của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quỹ Đầu tư), những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "**Vốn điều lệ**" là mức vốn quy định tại Điều lệ.
2. "**Vốn điều lệ thực có**" là số vốn điều lệ đã được UBND thành phố Hà Nội thực cấp và được phản ánh trên sổ kế toán của Quỹ Đầu tư.
3. "**Người có liên quan**" là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.
4. "**Vốn hoạt động**" là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động tại một thời điểm.
5. "**Đầu tư**" là việc sử dụng vốn hoạt động để đầu tư vào các dự án theo quy định. Trong đó, Quỹ Đầu tư có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.
6. "**Cho vay hợp vốn**" là việc Quỹ Đầu tư và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ Đầu tư hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.
7. "**Vốn chủ sở hữu**" gồm tổng vốn điều lệ thực có, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, các nguồn vốn hợp pháp khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.
8. "**Góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế**" là việc Quỹ Đầu tư góp vốn với các nhà đầu tư khác để thành lập các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nhằm thực hiện hoạt động đầu tư vào

các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

9. "**Nhận ủy thác**" là việc thực hiện quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư, thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư; quản lý hoạt động của các Quỹ tài chính Nhà nước trên địa bàn Thành phố và phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của UBND Thành phố.

10. "**Ủy thác**" là việc thỏa thuận với bên nhận ủy thác (các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Phát triển Việt Nam) thông qua hợp đồng ủy thác để thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án tại Quỹ Đầu tư.

11. "**Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội**" là dự án đầu tư vào danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương được UBND Thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

12. "**Ban Quản lý điều hành**" bao gồm Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Những từ ngữ khác trong Điều lệ chưa được giải thích, sẽ được áp dụng theo cách giải thích tương tự trong các văn bản pháp luật hiện hành.

## **Điều 2. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ của Quỹ**

1. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là UBND Thành phố), nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay, đầu tư vào dự án, doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội.

2. Vốn điều lệ của Quỹ là 5.000 tỷ đồng (Năm nghìn tỷ đồng). Căn cứ vào nhiệm vụ và hoạt động thực tế, vốn điều lệ được bổ sung cho phù hợp.

3. Tên gọi của Quỹ:

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội.

b) Tên viết tắt: HANIF

c) Tên giao dịch quốc tế: Hanoi Investment Fund for Development.

4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, ngõ Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

5. Điện thoại, fax, trang điện tử:

a) Điện thoại: (04) 39335469

b) Fax: (04) 39335470

c) Trang điện tử: [www.hanif.vn](http://www.hanif.vn)

### **Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật**

1. Quỹ Đầu tư là tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc UBND thành phố Hà Nội, thực hiện chức năng đầu tư phát triển và đầu tư tài chính theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Quỹ Đầu tư có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Tổng Giám đốc.

### **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động**

1. Quỹ Đầu tư hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ Đầu tư chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ.

### **Điều 5. Tổ chức bộ máy**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ Đầu tư:

a) Hội đồng quản lý (sau đây viết tắt là HĐQT) gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên;

b) Ban Kiểm soát gồm: Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên;

c) Bộ máy điều hành gồm: Ban Giám đốc (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và các Phòng, Ban nghiệp vụ;

d) Tổ giúp việc Hội đồng quản lý.

2. Việc thay đổi lại cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ do UBND Thành phố và HĐQT quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

### **Điều 6. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ Đầu tư hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Quỹ Đầu tư hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

### **Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**

1. Thực hiện các quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Thực hiện các quyền, trách nhiệm quy định tại Điều lệ này, gồm:

a) Phê duyệt chiến lược hoạt động dài hạn, kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;

b) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc tổ chức lại, giải thể Quỹ Đầu tư theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

c) Phê duyệt các dự án cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố quy định tại Điều 10, Điều 13 và Điều 22 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và được quy định cụ thể tại Điều lệ này;

d) Quyết định cho vay đối với các dự án có thời hạn cho vay trên 15 năm theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP;

đ) Xem xét chấp thuận việc cho vay hợp vốn đối với trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

e) Quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP;

g) Quyết định số lượng thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 1 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

h) Phê duyệt quy chế tuyển dụng lao động; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng hoặc các chức danh khác theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố;

i) Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn;

k) Phê duyệt kết quả đánh giá xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ;

l) Chấp thuận báo cáo tài chính và quyết toán chênh lệch thu chi; mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi, từ nguồn chênh lệch thu chi của Quỹ theo đề nghị của HĐQT Quỹ;

m) Xem xét, chỉ đạo, xử lý rủi ro đối với những dự án do UBND Thành phố quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp;

n) Chỉ đạo, giám sát HĐQT và Quỹ Đầu tư thực hiện cơ chế tài chính theo quy định;

o) Bổ sung vốn điều lệ theo thẩm quyền;

p) Phê duyệt hạn mức huy động vốn, cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, đầu tư, mua sắm, thanh lý tài sản cố định thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. UBND Thành phố có thể xem xét để ủy quyền một số quyền hạn tại điều này cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện.

4. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư.

2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư và lãi suất UBND Thành phố chỉ định cho vay, nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ Đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ Đầu tư.

4. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho Quỹ Đầu tư đối với các dự án do UBND Thành phố quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG II**

### **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 9. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ**

1. Hoạt động huy động vốn: huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Hoạt động đầu tư trực tiếp: Quỹ được đầu tư trực tiếp vào các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do UBND Thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

3. Hoạt động cho vay: Quỹ được cho vay, cho vay hợp vốn đối với các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do UBND Thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

4. Hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp: Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng

kinh tế - xã hội do UBND Thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

5. Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg;

b) Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

6. Hoạt động huy động vốn cho ngân sách Thành phố: Quỹ tổ chức, thu xếp việc huy động vốn cho ngân sách Thành phố theo quy định của pháp luật, bao gồm cả phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của UBND Thành phố.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND Thành phố giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, Điều lệ và các văn bản pháp luật liên quan.

**Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ**

1. Trách nhiệm của Quỹ:

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 33 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Quỹ Đầu tư có các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này;

b) Quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro;

c) Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với các khoản vốn mà Quỹ đã huy động từ các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn của Quỹ:

Ngoài quyền hạn quy định tại Điều 34 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Quỹ Đầu tư có các quyền hạn sau:

a) Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ;

b) Được tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này;



c) Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này;

d) Được lựa chọn các dự án có hiệu quả thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP để quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp;

đ) Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án;

e) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; định giá tài sản bảo đảm tiền vay;

g) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư;

h) Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định đình chỉ việc cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; thu hồi các khoản cho vay, đầu tư trực tiếp trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật;

i) Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, đầu tư vốn nếu xét thấy trái pháp luật và Điều lệ này;

k) Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ Đầu tư được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

l) Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành;

m) Được tuyển dụng, thuê, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng Bộ máy điều hành và người lao động; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật;

n) Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

## CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

### Mục 1 HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

#### **Điều 11. Hội đồng quản lý Quỹ**

1. HĐQL Quỹ là đại diện của UBND Thành phố, được ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ Đầu tư theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Điều lệ này.

2. HĐQL Quỹ có tối đa năm (05) người, theo nguyên tắc tổng số thành viên HĐQL phải là số lẻ, bao gồm:

- a) Chủ tịch HĐQL Quỹ là đại diện lãnh đạo UBND Thành phố kiêm nhiệm;
- b) 01 Phó Chủ tịch HĐQL Quỹ kiêm nhiệm là Giám đốc Sở Tài chính; 01 Phó Chủ tịch HĐQL Quỹ chuyên trách là Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư;
- c) Các thành viên HĐQL Quỹ khác là đại diện lãnh đạo một số Sở, Ban, Ngành do UBND Thành phố quyết định, hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ nào khác trong Quỹ Đầu tư.

3. Việc thay đổi số lượng, cơ cấu thành viên của HĐQL Quỹ do UBND Thành phố quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQL Quỹ.

4. Nhiệm kỳ của HĐQL Quỹ là năm (05) năm; thành viên HĐQL Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà HĐQL Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì HĐQL Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi HĐQL mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQL Quỹ**

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 37 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định cụ thể tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ; trình UBND Thành phố phương án điều chỉnh vốn Điều lệ của Quỹ để quyết định theo thẩm quyền;

b) Quyết định:

- Quyết định ban hành các quy chế hoạt động và nghiệp vụ, bao gồm: Quy chế hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành Quỹ; Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế lao động, tiền lương; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế huy động vốn; Quy chế đầu

tư trực tiếp; Quy chế cho vay; Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp; Quy chế quản lý rủi ro; Quy chế quản lý tài sản bảo đảm tiền vay và các quy chế hoạt động, nghiệp vụ khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ;

- Quyết định đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Quỹ theo phân cấp của UBND Thành phố, quyết định cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Quỹ Đầu tư tại các doanh nghiệp theo phân cấp;

- Quyết định quỹ lương kế hoạch, quyết định quỹ lương thực hiện của người lao động sau khi có ý kiến chấp thuận của UBND Thành phố theo cơ chế tiền lương, tiền thưởng của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn;

- Quyết định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, mức tạm ứng tiền lương, thù lao cho viên chức quản lý; trình UBND Thành phố phê duyệt quỹ lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng hàng năm đối với viên chức quản lý theo cơ chế tiền lương, tiền thưởng của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn;

- Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

- Phê duyệt quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

- Thành lập Tổ giúp việc HĐQT.

c) Trình UBND Thành phố:

- Quyết định về mức lãi suất cho vay tối thiểu theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

- Quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan;

- Ban hành danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của Thành phố theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

- Phê duyệt báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động; báo cáo tài chính, quyết toán chênh lệch thu chi; mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Quỹ;

- Phê duyệt phương thức tổ chức, bộ máy quản lý điều hành Quỹ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của UBND Thành phố.

**Điều 13. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT Quỹ**

1. UBND Thành phố quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên HĐQT Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị và các kiến thức, kinh nghiệm ở những lĩnh vực khác do Thành phố quy định;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

đ) Không có người liên quan giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ban Kiểm soát, Thủ quỹ tại Quỹ;

e) Không phải là người liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên HĐQT.

3. Thành viên HĐQT Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên HĐQT Quỹ;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

c) Vi phạm nghiêm trọng các Quyết định của UBND Thành phố, Quyết định của HĐQT, các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghỉ hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên HĐQT Quỹ do UBND Thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên HĐQT Quỹ**

1. Chủ tịch HĐQT Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thay mặt HĐQT Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ Đầu tư;

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT Quỹ. Định kỳ sáu tháng một lần nhận xét và đánh giá trách nhiệm và hiệu quả tham gia chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của các thành viên HĐQT Quỹ;

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT Quỹ theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này;

d) Thay mặt HĐQT Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT Quỹ;

đ) Ban hành các quy chế trong việc tổ chức và thực hiện nhiệm vụ quy định tại cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính ban hành;

e) Tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ; có quyền hủy bỏ các Quyết định của Tổng Giám đốc trái với Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

f) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT Quỹ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc cho thành viên HĐQT Quỹ thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố.

2. Thành viên của HĐQT Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham dự họp HĐQT Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT Quỹ;

b) Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch HĐQT Quỹ;

c) Yêu cầu Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

3. Chủ tịch và thành viên HĐQT Quỹ có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quyết định của UBND Thành phố trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ Đầu tư và UBND Thành phố;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ Đầu tư; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ Đầu tư để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

## **Điều 15. Chế độ làm việc của HĐQT Quỹ**

1. HĐQT Quỹ làm việc theo chế độ tập thể. Họp thường kỳ tối thiểu 03 (ba) tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách

nhiệm của HĐQT Quỹ. Địa điểm và thời gian họp do Chủ tịch HĐQT Quỹ ấn định. Khi cần thiết, HĐQT Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc theo đề nghị của Phó Chủ tịch HĐQT Quỹ chuyên trách hoặc Trưởng Ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch HĐQT Quỹ chấp thuận.

2. Chủ tọa phiên họp:

a) Chủ tịch HĐQT Quỹ;

b) Các Phó chủ tịch HĐQT Quỹ, khi được Chủ tịch HĐQT Quỹ đồng ý và ủy quyền triệu tập, chủ trì phiên họp để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT Quỹ. Người được ủy quyền phải báo cáo lại kết quả cuộc họp và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT Quỹ về kết luận tại hội nghị;

c) Phó Chủ tịch HĐQT Quỹ chuyên trách (với vai trò là Tổng Giám đốc Quỹ) được Chủ tịch HĐQT Quỹ ủy quyền mời các Thành viên HĐQT Quỹ, Tổ giúp việc HĐQT Quỹ họp để giải quyết các vướng mắc khó khăn về chuyên môn nghiệp vụ vượt quá thẩm quyền. Nội dung và kết quả họp phải báo cáo lại Chủ tịch HĐQT Quỹ biết và chịu trách nhiệm về kết luận tại hội nghị.

3. Cuộc họp của HĐQT Quỹ chỉ có thể có hiệu lực khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT Quỹ tham dự. Thành viên HĐQT Quỹ vắng mặt phải thông báo lý do bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa.

4. Trong trường hợp chưa thể tổ chức họp HĐQT Quỹ, nhưng để giải quyết các vấn đề cần thiết, Tổng Giám đốc lập văn bản xin ý kiến các thành viên HĐQT Quỹ. Các thành viên HĐQT Quỹ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Sau thời gian 05 (năm) ngày làm việc, thành viên HĐQT Quỹ không có ý kiến thì được coi là đã thống nhất với nội dung trong văn bản xin ý kiến của Tổng Giám đốc.

5. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các thành viên HĐQT tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

6. HĐQT Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên HĐQT Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên trong HĐQT Quỹ có mặt tán thành hoặc biểu quyết. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp HĐQT Quỹ. Thành viên HĐQT Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

7. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp HĐQT Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết

luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của HĐQL và phải được gửi tới tất cả các thành viên của HĐQL, Quỹ Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

8. Chủ tịch HĐQL Quỹ thay mặt HĐQL ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQL và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định đó. Chủ tịch HĐQL có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQL chuyên trách hoặc một thành viên HĐQL ký thay.

9. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQL có tính chất bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ Đầu tư. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó và có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của UBND Thành phố, Tổng Giám đốc có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQL Quỹ.

## Mục 2

### BAN KIỂM SOÁT QUỸ

#### Điều 16. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát có chức năng giúp HĐQL Quỹ và UBND Thành phố thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát việc Quỹ Đầu tư chấp hành các chính sách chế độ theo quy định của pháp luật; các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ; Điều lệ; Nghị quyết, Quyết định của UBND Thành phố và HĐQL Quỹ.

2. Ban Kiểm soát có tối đa không quá ba (03) thành viên, trong đó có một (01) Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát, số lượng thành viên Ban Kiểm soát và chế độ làm việc (chuyên trách hoặc không chuyên trách) do UBND Thành phố quyết định, theo đề nghị của HĐQL Quỹ, căn cứ vào quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ Đầu tư.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban Kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

4. Chế độ lương, thưởng và chi trả lương thưởng của Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên khác được thực hiện theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định cụ thể tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật; quy chế hoạt động và nghiệp vụ; Điều lệ; Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ và UBND Thành phố. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm chính sách, chế độ theo quy định, Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm thông báo với UBND Thành phố, đồng thời yêu cầu HĐQT Quỹ, Chủ tịch HĐQT và bộ máy quản lý, điều hành Quỹ chấm dứt hành vi vi phạm, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả kiểm tra kiểm soát cho HĐQT Quỹ;

c) Hàng năm, Trưởng Ban Kiểm soát trình HĐQT Quỹ lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập thành lập và hoạt động tại Việt Nam để kiểm toán Báo cáo tài chính;

d) Ban Kiểm soát tổ chức kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch việc chấp hành chế độ tài chính kế toán và các doanh nghiệp do Quỹ Đầu tư sở hữu 100% vốn và báo cáo kết quả kiểm tra kiểm soát cho HĐQT;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do HĐQT Quỹ và UBND Thành phố giao.

3. Ban Kiểm soát có các quyền hạn sau đây:

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ;

b) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban Giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban Kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát. Quỹ Đầu tư phối hợp với Ban Kiểm soát xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

4. Ban Kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Quyết định, Nghị quyết của UBND Thành phố và HĐQT Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ Đầu tư và UBND Thành phố;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ Đầu tư; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ Đầu tư; không lợi dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ Đầu tư để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;



d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho UBND Thành phố về hoạt động của Quỹ Đầu tư theo chế độ quy định;

đ) Các nghĩa vụ khác theo các quy định của UBND Thành phố và HĐQT Quỹ;

e) Không được cung cấp, tiết lộ những thông tin về kiểm tra, kiểm soát khi chưa được HĐQT Quỹ chấp thuận.

#### 5. Chế độ làm việc và phối hợp của Ban Kiểm soát Quỹ

Chế độ làm việc và phối hợp của Ban Kiểm soát Quỹ được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ và phải tuân theo những quy định cơ bản sau :

a) Làm việc theo kế hoạch, kế hoạch phải được Chủ tịch HĐQT Quỹ phê duyệt và thông báo để Quỹ Đầu tư biết, phối hợp thực hiện;

b) Trường hợp phải kiểm tra, kiểm soát đột xuất chỉ được tiến hành khi có sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc Chủ tịch UBND Thành phố và phải báo trước cho Tổng Giám đốc ít nhất bảy (07) ngày làm việc để chuẩn bị;

c) Tại các kỳ họp HĐQT Quỹ, Trưởng Ban Kiểm soát phải có báo cáo, nhận xét về các nội dung họp, để HĐQT Quỹ có thêm thông tin kết luận và chỉ đạo. Các báo cáo của Trưởng Ban Kiểm soát được lưu giữ trong tài liệu kỳ họp. Trưởng Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về các thông tin trong báo cáo. Đối với các thông tin trong báo cáo kiểm soát có sự khác biệt với báo cáo của Quỹ Đầu tư, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được ủy quyền phải trao đổi nội dung trước ít nhất 02 ngày làm việc với Quỹ Đầu tư, để Quỹ Đầu tư chuẩn bị và giải trình, tiếp thu trước HĐQT Quỹ;

d) Tổ chức, hoạt động cụ thể của Ban Kiểm soát theo Quy chế do Chủ tịch HĐQT Quỹ ban hành.

#### **Điều 18. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Quỹ**

1. Trưởng Ban Kiểm soát do UBND Thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của HĐQT Quỹ. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do HĐQT bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

#### 2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

a) Là công dân Việt nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ Đầu tư; không là người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó

Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này;

d) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

đ) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban Kiểm soát:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có trình độ đại học trở lên trong các ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực này;

c) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND Thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban Kiểm soát trong trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

c) Lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ Đầu tư, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, vi phạm nghiêm trọng các quy chế của Quỹ Đầu tư, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghỉ hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

### Mục 3

## TỔNG GIÁM ĐỐC QUỸ

### Điều 19. Tổng Giám đốc Quỹ

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của

Quỹ và các Nghị quyết, Quyết định của UBND Thành phố và HĐQT Quỹ; chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố, HĐQT Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Tổng Giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì Tổng Giám đốc của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Tổng Giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

## **Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc Quỹ**

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 5 Điều 39 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính ban hành.

2. Đề xuất và trình HĐQT Quỹ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của phê duyệt của HĐQT Quỹ theo quy định tại Điều 12 và Điều 14 Điều lệ này.

3. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các văn bản quy định về tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn.

4. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ.

5. Xây dựng, đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế báo cáo HĐQT trình UBND Thành phố quyết định.

6. Đề nghị HĐQT trình UBND Thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

7. Thực hiện bố trí, sắp xếp, đào tạo cán bộ, nhân viên.

8. Trình HĐQT quyết định cử người tham gia quản lý phần vốn đầu tư tại các doanh nghiệp góp vốn theo phân cấp.

9. Căn cứ các quy chế hoạt động nghiệp vụ, ban hành quy trình nghiệp vụ hoạt động.

10. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND Thành phố và Chủ tịch HĐQT Quỹ về các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này.

11. Đại diện pháp nhân của Quỹ Đầu tư trước pháp luật trong hoạt động tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp, hoặc có thể ủy quyền đại diện.

12. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định khác tại khoản 2 Điều 10 và các điều có liên quan tại Điều lệ này; Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch UBND Thành phố hoặc Chủ tịch HĐQT ủy nhiệm, ủy quyền.

### **Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Quỹ**

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời, phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.

3. Không phải người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Quỹ, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Tổng Giám đốc Quỹ.

4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Thành ủy, UBND Thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 22. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc Quỹ**

1. Tổng Giám đốc Quỹ là thành viên của HĐQT Quỹ, do UBND Thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của HĐQT Quỹ.

2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 21 Điều lệ này;

b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do HĐQT Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các Nghị quyết, Quyết định của UBND Thành phố, HĐQT Quỹ, Điều lệ đến mức bị kỷ luật;

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác;

đ) Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ Đầu tư;

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

g) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ này;

h) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

i) Nghỉ hưu;

k) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của HĐQT Quỹ và UBND Thành phố.

3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc Quỹ do Thành ủy, UBND Thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

## **Mục 4**

### **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY NGHIỆP VỤ**

#### **Điều 23. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

1. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Tổng Giám đốc Quỹ đề nghị HĐQT Quỹ Đầu tư xem xét, trình UBND Thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

2. Phó Tổng Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong việc điều hành Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp HĐQT và Tổng Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố, Hội đồng quản lý, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

b) Kế toán trưởng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

4. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng thực hiện theo quy định về công tác cán bộ của Thành ủy, UBND Thành phố và quy định của pháp luật.

#### **Điều 24. Bộ máy nghiệp vụ**

1. Các Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ do HĐQT Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Tổng Giám đốc, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT và Tổng Giám đốc giao.

2. Trưởng, Phó các Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc và chức vụ tương đương trong bộ máy nghiệp vụ do Tổng Giám đốc bổ

nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức của Thành phố.

### **Điều 25. Tuyển dụng, sử dụng lao động**

1. Trên cơ sở biên chế được giao, Quỹ Đầu tư xây dựng kế hoạch tuyển dụng, trình UBND Thành phố phê duyệt để triển khai thực hiện.

2. Được mời, thuê, hợp đồng với các chuyên gia, tư vấn, cộng tác viên để thực hiện công tác chuyên môn.

3. Trưởng, Phó các Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc và chức vụ tương đương, người lao động làm nhiệm vụ chuyên môn chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

## **CHƯƠNG IV**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 26. Huy động vốn**

##### **1. Vốn huy động**

Quỹ Đầu tư được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, bao gồm:

a) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài;

b) Phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư theo quy định của pháp luật;

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

##### **2. Giới hạn huy động vốn**

a) Tổng mức vốn huy động theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này tối đa bằng 6 (sáu) lần vốn chủ sở hữu của Quỹ Đầu tư tại cùng thời điểm. Trường hợp đặc biệt, UBND Thành phố xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Trường hợp huy động vốn cho ngân sách Thành phố được thực hiện theo Luật Quản lý nợ công, quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và UBND Thành phố, không tính vào nguồn vốn huy động của Quỹ Đầu tư.

#### **Điều 27. Đầu tư**

##### **1. Đối tượng đầu tư**

a) Đối tượng đầu tư là các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của Thành phố, theo danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng quy định tại Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

b) Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, UBND Thành phố ban hành danh mục các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

ưu tiên phát triển của Thành phố sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân Thành phố. Căn cứ vào danh mục UBND Thành phố ban hành, Quỹ Đầu tư lựa chọn, thẩm định và quyết định đầu tư vào các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện đầu tư quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

## 2. Điều kiện đầu tư

Các dự án đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật;
- c) Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

## 3. Phương thức đầu tư

a) Quỹ Đầu tư có thể thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của UBND Thành phố.

b) Quỹ Đầu tư có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

## 4. Hình thức đầu tư

a) Tùy từng điều kiện cụ thể, Quỹ Đầu tư lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

- Đầu tư theo các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), hợp tác công tư (PPP) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư;

- Tìm kiếm dự án, thực hiện công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

b) Việc đầu tư được thực hiện theo các quy định pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

## 5. Giới hạn đầu tư

a) Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện. Trường hợp đặc biệt, UBND Thành phố xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư trực tiếp khác với quy định trên thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

## 6. Thẩm quyền quyết định đầu tư

a) Mức vốn đầu tư đối với một dự án nhỏ hơn hoặc bằng 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm quyết định, nhưng không vượt quá 250 tỷ đồng do Tổng Giám đốc quyết định.

b) Mức vốn đầu tư đối với một dự án lớn hơn 5% đến nhỏ hơn hoặc bằng 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm quyết định, hoặc từ trên 250 tỷ đồng đến nhỏ hơn hoặc bằng 400 tỷ đồng do HĐQT Quỹ quyết định.

c) Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm quyết định, hoặc trên 400 tỷ đồng do UBND Thành phố quyết định.

d) Thẩm quyền quyết định đầu tư được UBND Thành phố xem xét, điều chỉnh trên cơ sở nguồn vốn và kết quả hoạt động của Quỹ Đầu tư tại từng thời điểm.

## **Điều 28. Cho vay đầu tư**

### **1. Đối tượng cho vay**

a) Đối tượng cho vay là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của Thành phố theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Điều lệ này.

b) Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của UBND Thành phố theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Quỹ Đầu tư lựa chọn, thẩm định và quyết định cho vay các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện cho vay quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

### **2. Điều kiện cho vay**

Quỹ Đầu tư chỉ cho vay khi chủ đầu tư bảo đảm có đủ các điều kiện sau đây:

a) Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

c) Có phương án đầu tư, sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ;

d) Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam;

e) Chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

### **3. Thời hạn cho vay**

Thời hạn cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 (mười lăm) năm. Trường hợp đặc biệt vay trên 15 (mười lăm) năm do UBND Thành phố quyết định.

### **4. Lãi suất cho vay**



a) Nguyên tắc xác định: lãi suất cho vay không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

b) Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Tổng Giám đốc tính toán, trình HĐQT phê duyệt và báo cáo UBND Thành phố ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu.

c) Cấp nào quyết định cho vay, cấp đó quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do UBND Thành phố quyết định.

d) Trường hợp UBND Thành phố quyết định cho vay với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, UBND Thành phố chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu với lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó.

đ) Trường hợp UBND Thành phố quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đối tượng được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là chủ đầu tư vào dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- UBND Thành phố ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với từng dự án cụ thể, trong đó phải quy định rõ: Đối tượng được nhận hỗ trợ; phương thức, thời điểm và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn trong việc thẩm định dự án và giải ngân hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng được nhận hỗ trợ và của các bên có liên quan khác.

- UBND Thành phố có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ Đầu tư theo quy định, đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ Đầu tư.

e) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định của điểm b khoản 4 Điều này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

f) Đối với nợ quá hạn: lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trung và dài hạn bình quân của Sở giao dịch các Ngân hàng thương mại Nhà nước cùng thời điểm.

## 5. Giới hạn cho vay

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp đặc biệt, UBND Thành phố xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Trường hợp Quỹ Đầu tư thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ Đầu tư tại thời điểm thực hiện.

c) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện.

d) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

#### 6. Thẩm quyền quyết định cho vay đầu tư

a) Mức vốn cho vay đối với một dự án nhỏ hơn hoặc bằng 10% vốn chủ sở hữu, nhưng không vượt quá 350 tỷ đồng do Tổng Giám đốc quyết định.

b) Mức vốn cho vay đối với một dự án lớn hơn 10% đến nhỏ hơn hoặc bằng 15% vốn chủ sở hữu, hoặc từ trên 350 tỷ đồng đến nhỏ hơn hoặc bằng 700 tỷ đồng do HĐQT Quỹ quyết định.

c) Mức vốn cho vay đối với một dự án lớn hơn 15% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 700 tỷ đồng do UBND Thành phố quyết định.

d) Thẩm quyền quyết định cho vay đầu tư được UBND Thành phố xem xét, điều chỉnh trên cơ sở nguồn vốn và kết quả hoạt động của Quỹ tại từng thời điểm.

#### 7. Bảo đảm tiền vay

a) Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ Đầu tư được sử dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và các thỏa thuận bổ sung với chủ đầu tư về quản lý, theo dõi tài sản khác của chủ đầu tư để đảm bảo thu hồi vốn vay.

b) Trường hợp đặc biệt, để phục vụ các dự án cấp thiết, khi cho vay không đủ hoặc không có tài sản bảo đảm, UBND Thành phố xem xét, quyết định.

#### 8. Cho vay hợp vốn.

a) Quỹ Đầu tư làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

b) Việc cho vay hợp vốn phải lập thành hợp đồng và tuân theo các quy định về hoạt động cho vay đầu tư tại Điều lệ này.

c) Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn (cùng Quỹ Đầu tư khác) đối với dự án không thuộc địa bàn thành phố Hà Nội thì việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Dự án phải thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương nơi cho vay;

- Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, bao gồm cả địa bàn thành phố Hà Nội;

- Được Chủ tịch UBND cấp tỉnh của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương cho vay hợp vốn chấp thuận;

- Lãi suất cho vay hợp vốn do các Quỹ Đầu tư, tổ chức tín dụng và tổ chức khác cho vay hợp vốn tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ Đầu tư.

#### 9. Phân loại nợ, xử lý rủi ro

a) Việc phân loại nợ, trích dự phòng xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật áp dụng cho tổ chức tín dụng và được tính vào chi phí hoạt động theo quy định tại cơ chế quản lý tài chính Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính ban hành.

#### b) Xử lý rủi ro:

Rủi ro xảy ra cho các dự án vay vốn do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

- Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án, dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; xoá, giảm lãi tiền vay; khoan nợ.

- Trường hợp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản, chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì việc xử lý rủi ro thực hiện theo trình tự sau:

+ Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;

+ Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

+ Được xem xét, xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại theo thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này.

#### c) Thẩm quyền xử lý rủi ro:

- Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.

- HĐQT quyết định việc giảm và xoá nợ lãi.

- Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc khoan nợ, xoá nợ gốc. Trường hợp xoá nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch UBND Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố.

### **Điều 29. Góp vốn thành lập tổ chức kinh tế**

#### 1. Hình thức góp vốn

Quỹ Đầu tư được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được UBND Thành phố ban hành.

#### 2. Giới hạn góp vốn thành lập tổ chức kinh tế

Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế nhỏ hơn hoặc bằng 20% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện. Trường hợp đặc biệt, UBND Thành phố xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

### 3. Thẩm quyền quyết định góp vốn

a) Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp nhỏ hơn hoặc bằng 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện, nhưng không vượt quá 250 tỷ đồng do Tổng Giám đốc quyết định.

b) Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp lớn hơn 5% đến nhỏ hơn hoặc bằng 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện, hoặc từ trên 250 tỷ đồng đến nhỏ hơn hoặc bằng 400 tỷ đồng do HĐQT quyết định.

c) Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện, hoặc trên 400 tỷ đồng do UBND Thành phố quyết định.

d) Thẩm quyền quyết định góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế được UBND Thành phố xem xét, điều chỉnh trên cơ sở nguồn vốn và kết quả hoạt động tại từng thời điểm.

e) Người có thẩm quyền quyết định cử người tham gia đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp không được là người có mối quan hệ liên quan với người được cử tham gia quản lý phần vốn tại doanh nghiệp đó (như: cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý; Trưởng ban, thành viên Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng ).

## **Điều 30. Ủy thác và nhận ủy thác**

### 1. Nhận ủy thác

a) Nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác hoặc văn bản ủy thác giữa Quỹ Đầu tư với tổ chức, cá nhân ủy thác. Được tiếp nhận các nguồn vốn ủy thác khác do UBND Thành phố giao.

b) Nhận ủy thác quản lý hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; quỹ phát triển nhà ở, quỹ phát triển đất, quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và các quỹ tài chính địa phương khác do UBND Thành phố thành lập. Việc ủy thác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của UBND Thành phố để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác hoặc văn bản ủy thác.

### 2. Ủy thác

a) Ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn thông qua hợp đồng ủy thác giữa Quỹ Đầu tư với tổ chức nhận ủy thác.

b) Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

## **Chương V**

### **NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

#### **Điều 31. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ**

Nguồn vốn hoạt động gồm có vốn chủ sở hữu và vốn huy động.

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ gồm:

- Vốn điều lệ thực có: là số vốn do UBND Thành phố thực cấp;
- Quỹ dự phòng tài chính; quỹ đầu tư phát triển;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác của UBND Thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Vốn huy động: là vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và cơ chế quản lý tài chính Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính ban hành.

#### **Điều 32. Nguồn hình thành vốn điều lệ của Quỹ**

1. Vốn Điều lệ hiện có (thực cấp)

- Được bố trí trong dự toán chi ngân sách hoặc nguồn tăng thu ngân sách Thành phố hàng năm.

- Được bổ sung từ nguồn quỹ đầu tư phát triển theo quy định.

- Được bổ sung từ các nguồn vốn khác của Thành phố (nếu có).

2. Việc thay đổi vốn điều lệ do UBND Thành phố quyết định theo phân cấp thẩm quyền và thông báo với Bộ Tài chính.

#### **Điều 33. Vốn nhận ủy thác**

Vốn nhận ủy thác theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Điều lệ này không được tính vào vốn hoạt động. Vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) được hạch toán và quản lý tách biệt với vốn hoạt động và tài sản.

## **Chương VI**

### **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN CỦA QUỸ**

#### **Điều 34. Chế độ tài chính**

1. Chế độ tài chính thực hiện theo cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính ban hành và quy định tại Điều lệ này.

2. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Cơ chế trả lương, chi thưởng và xếp hạng thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

4. Chế độ tiền lương (xếp lương, điều chỉnh lương, phụ cấp lương) cho Ban Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người lao động gồm: mức lương tối thiểu chung; các bảng lương; các chế độ phụ cấp lương; chế độ nâng bậc lương được áp dụng như đối với chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Giới hạn và thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định:

a) Được sử dụng tối đa 10% vốn chủ sở hữu để đầu tư xây dựng mới, mua sắm và sửa chữa tài sản cố định;

b) Mức vốn đầu tư, xây dựng, mua sắm và sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn hoặc bằng 2% vốn chủ sở hữu, nhưng không vượt quá 100 tỷ đồng do Tổng Giám đốc quyết định;

c) Mức vốn đầu tư, xây dựng, mua sắm và sửa chữa tài sản cố định lớn hơn 2% đến nhỏ hơn hoặc bằng 7% vốn chủ sở hữu, hoặc từ trên 100 tỷ đồng đến nhỏ hơn hoặc bằng 250 tỷ đồng do HĐQT quyết định;

d) Mức vốn đầu tư, xây dựng, mua sắm và sửa chữa tài sản cố định lớn hơn 7% đến 10% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 250 tỷ đồng do UBND Thành phố quyết định;

đ) Trường hợp mua sắm tài sản mà Nhà nước có quy định khác, cụ thể thì thực hiện theo quy định đó, không phụ thuộc vào mức quy định trên;

e) Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, mua sắm tài sản phải thực hiện theo các quy định của Nhà nước về xây dựng, cải tạo, sửa chữa, mua sắm tài sản.

6. Kết quả hoạt động và phân phối chênh lệch thu chi theo cơ chế quản lý tài chính Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính ban hành và các Quy chế của Quỹ Đầu tư.

### **Điều 35. Chế độ kế toán, kiểm toán của Quỹ**

1. Quỹ Đầu tư tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo; chế độ kế toán; cơ chế quản lý tài chính theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ Đầu tư phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

3. Quỹ Đầu tư thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

## Chương VII

### XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

#### **Điều 36. Xử lý tranh chấp**

Mọi tranh chấp giữa Quỹ Đầu tư với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ Đầu tư được xử lý theo pháp luật hiện hành.

#### **Điều 37. Tổ chức lại, giải thể**

1. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy quản lý, điều hành của Quỹ do HĐQT Quỹ quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được UBND Thành phố phê duyệt.

2. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ Đầu tư do UBND Thành phố quyết định theo đề nghị của HĐQT Quỹ và quy định của pháp luật.

## Chương VIII


### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 38. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình thực hiện, Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất, báo cáo HĐQT trình UBND Thành phố quyết định, sửa đổi, bổ sung Điều lệ này (nếu cần thiết).

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH *h*

  
Nguyễn Thế Thảo